

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

LƯƠNG THỊ MINH KIỀU

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ
THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ
QUẬN LIÊN CHIÊU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

Mã số : 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐINH BẢO NGỌC

Phản biện 1: TS. Nguyễn Hiệp

Phản biện 2: PGS.TS. Hà Thanh Việt

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 26 tháng 01 năm 2015.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quản lý vĩ mô nền kinh tế, quản lý nhà nước về tài chính giữ một vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội. Quản lý thu ngân sách, khi nền kinh tế thị trường phát triển, nguồn thu từ nội địa là then chốt trong tổng thu ngân sách quốc gia, đặc biệt nguồn thu từ thuế, trong đó các khoản thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh (CTN-NQD) chiếm tỷ trọng khá lớn, đặc biệt là thuế thu nhập doanh nghiệp, đóng vai trò quan trọng trong tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN), góp phần tích cực trong việc điều tiết cân đối thu chi ngân sách.

Ngày nay, vai trò của thuế càng được nâng cao, thuế thực sự là công cụ có hiệu lực góp phần quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế, đồng thời phục vụ yêu cầu kiểm soát, hướng dẫn mọi hoạt động kinh tế. Chính sách thuế được đặt ra không chỉ nhằm mang lại số thu đơn thuần cho ngân sách mà yêu cầu cao hơn là qua đó góp phần thực hiện chức năng kiểm kê, kiểm soát, đảm bảo tính pháp lý cao, thể hiện được tính đơn giản, rõ ràng, công khai, dân chủ, công bằng xã hội, khuyến khích tăng trưởng sản xuất phù hợp với quy luật phát triển của nền kinh tế thị trường, mở rộng lưu thông đối với tất cả các thành phần kinh tế theo chủ trương, chính sách quản lý kinh tế của Đảng, Nhà nước.

Vì vậy, có thể nói thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN. Vậy nên, vấn đề quản lý thuế sao cho thu đúng, thu đủ, thu đúng hạn luôn được đặt ra để tạo nguồn thu cho ngân sách, đảm bảo chi tiêu và sự công bằng trong nghĩa vụ đóng góp của người dân. Trong thời gian qua, công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã có chuyển biến tích cực, nhưng còn gặp không ít khó khăn và bất cập. Thêm vào đó, ý thức tự giác chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của các chủ doanh nghiệp vẫn còn thấp, tình trạng vi phạm pháp luật thuế cụ thể là thuế thu nhập doanh nghiệp vẫn luôn xảy ra ở nhiều hình thức, với mức độ khác nhau, nợ thuế ngày càng tăng. Thực trạng quản lý thuế còn sót hỏ, doanh thu tính thuế còn chưa tương xứng với doanh thu thực tế kinh doanh của doanh nghiệp, nợ đọng thuế cao, khó thu hồi... Nếu như chúng ta không sớm khắc phục những mặt hạn chế đó thì việc thất thu nguồn thuế này sẽ vẫn

tiếp tục và ngày càng gia tăng. Do đó, vấn đề cấp thiết đặt ra là phải đưa ra những giải pháp cũng như công cụ quản lý để nâng cao hiệu lực công tác quản lý thuế thu nhập đối với các DN NQD trên địa bàn quận Liên Chiểu, góp phần nâng cao ý thức cho người dân, hạn chế thất thu thuế, tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước với tỷ lệ tăng năm sau cao hơn năm trước.

Xuất phát từ những lý do trên, tôi chọn nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng”**, đề tài này có ý nghĩa thiết thực cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về thuế thu nhập doanh nghiệp, nội dung quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp để làm cơ sở đánh giá thực trạng công tác quản lý này và đề xuất giải pháp.

- Phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Liên Chiểu, chỉ ra những kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp.

- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng trong thời gian đến.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

• **Đối tượng nghiên cứu:** Cơ sở lý luận và thực tiễn công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Liên Chiểu, tp Đà Nẵng.

• **Phạm vi nghiên cứu:**

- Về nội dung nghiên cứu: Đề tài tập trung phân tích, đánh giá công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Về không gian: nghiên cứu được thực hiện tại Chi cục thuế quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Về thời gian: số liệu thu thập trong khoảng thời gian từ năm 2009 – 2013.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở nền tảng lý luận về công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại các cơ quan thuế, thu thập số liệu và phỏng vấn trực tiếp cán bộ làm công tác quản lý thuế tại Chi cục thuế quận Liên

Chiều, thành phố Đà Nẵng, tác giả đã lọc chọn và tổng hợp số liệu, các báo cáo hằng năm để phân tích, so sánh nhằm đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Liên Chiểu. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng các phương pháp thống kê, phân tích, so sánh, tổng hợp... trong quá trình nghiên cứu.

Luận văn cũng tiếp thu, kế thừa có chọn lọc và phát triển một số nội dung nghiên cứu của một số công trình liên quan đã được công bố tại các cục thuế, chi cục thuế và các thành phố khác. Ngoài ra, luận văn còn dựa vào các chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, về quản lý thuế và quản lý thu thuế ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

* Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về thuế thu nhập doanh nghiệp và công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại các cơ quan thuế.

- Đánh giá những kết quả đạt được cũng như nhận diện những hạn chế của công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp mang tính thiết thực nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng trong thời gian đến.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong những năm gần đây đã có khá nhiều luận văn nghiên cứu về vấn đề này, tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách trực tiếp về quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, trên cơ sở nghiên

cứu lý luận, các văn bản pháp luật, luật thuế thu nhập doanh nghiệp, luật quản lý thuế và kế thừa các nghiên cứu trước đây, tác giả có những cơ sở để đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng và mạnh dạn đề xuất các giải pháp mang tính thực tiễn nhằm giúp hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý thuế thu nhập trên địa bàn quận Liên Chiểu trong thời gian tới.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.1. TỔNG QUAN VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Khái niệm thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN) là một loại thuế trực thu đánh vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh trong kỳ.

b. Tiến trình áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam

c. Đặc điểm

Thứ nhất, thuế thu nhập có đối tượng đánh thuế là thu nhập. *Thứ hai*, thuế TNDN là thuế trực thu. *Thứ ba*, thuế TNDN là một loại thuế phức tạp. *Thứ tư*, nguồn luật điều chỉnh quan hệ thuế thu nhập bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật thuế quốc gia và văn bản quy phạm pháp luật thuế quốc tế.

d. Vai trò

- Thuế TNDN là công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội
- Thuế TNDN là nguồn thu quan trọng của ngân sách Nhà nước
- Thuế TNDN là công cụ quan trọng trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế

1.1.2. Những vấn đề cơ bản về thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Người nộp thuế TNDN là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (gọi là doanh nghiệp).

b. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp

• Thu nhập tính thuế:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left[\begin{array}{l} \text{Thu nhập được} \\ \text{miễn thuế} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản lỗ} \\ \text{chuyển theo quy định} \end{array} \right]$$

- *Thuế suất*: áp dụng mức thuế suất theo quy định đến năm 2013: 25%

c. Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \end{array} = \left[\begin{array}{cc} \text{Doanh thu} & \text{Chi phí} \\ & \text{được trừ} \end{array} \right] + \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{thu nhập khác} \end{array}$$

1.2. QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.2.1. Khái niệm quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Quản lý thuế TNDN là hoạt động tổ chức, điều hành và giám sát của cơ quan thuế nhằm đảm bảo các DN chấp hành nghĩa vụ thuế TNDN vào NSNN.

1.2.2. Đặc điểm của quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.3. Vai trò của quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

- Quản lý thuế có vai trò quyết định trong việc đảm bảo nguồn thu từ thuế được tập trung chính xác, kịp thời, thường xuyên, ổn định vào NSNN.

- Thông qua hoạt động quản lý thuế góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật cũng như các quy định về quản lý thuế.

- Thông qua quản lý thuế, Nhà nước thực hiện kiểm soát và điều tiết các hoạt động kinh tế của các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

1.2.4. Nội dung quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Lập và thực hiện dự toán thu thuế

Tổng cục thuế giao kế hoạch thu thuế cho các Cục Thuế. Cục Thuế giao nhiệm vụ thu NSNN cho các Chi Cục Thuế. Các Chi cục thuế tổ chức thực hiện dự toán này.

b. Quản lý đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và ấn định thuế

Đăng ký thuế và cấp mã số thuế cho DN của cơ quan thuế bao gồm việc nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thuế, cấp mã số thuế cho các DN mới thành lập.

Khi DN có vi phạm pháp luật về thuế thì cơ quan thuế có quyền ấn định thuế TNDN đối với DN theo quy định của pháp luật.

Định kỳ theo thời gian quy định, DN tự kê khai, tính và nộp thuế vào Kho bạc nhà nước hay các ngân hàng được ủy nhiệm thu thuế.

c. Quản lý hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, gia hạn thuế

NNT được hoàn lại toàn bộ số thuế TNDN nộp thừa sau khi bù trừ với số thuế còn thiếu trong thời gian quy định.

Cơ quan thuế phải nắm rõ những quy định cũng như thủ tục

miễn giảm, gia hạn thuế để hỗ trợ cho các DN được ngày một tốt hơn.

d. Quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế

- *Quản lý nợ thuế*: theo dõi, nắm bắt thực trạng nợ thuế và các khoản thu khác do cơ quan thuế quản lý và thực hiện các biện pháp đôn đốc thu hồi số thuế nợ.

- *Cưỡng chế nợ thuế*: kịp thời phát hiện và xử lý NNT nợ tiền thuế, tiền phạt đã quá thời gian quy định hoặc NNT có hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn thì phải tiến hành cưỡng chế để buộc NNT phải nộp đầy đủ số thuế vào NSNN.

e. Thanh tra, kiểm tra thuế

Công tác thanh, kiểm tra thuế nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời những vi phạm về thuế. NNT không chứng minh được tính chính xác, hợp lý trong kê khai thì cơ quan thuế tiến hành kiểm tra tại cơ sở NNT. Trong quá trình kiểm tra nếu thấy có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thì tiến hành thanh tra.

Việc thanh, kiểm tra nội bộ cũng được thực hiện và rất thiết thực.

f. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Tuyên truyền về thuế là hoạt động phổ biến những quy định về thuế và những chương trình ứng dụng tin học trong ngành Thuế đến công chúng, đặc biệt là NNT.

Hỗ trợ về thuế là hoạt động tư vấn, hướng dẫn, trợ giúp các dịch vụ thông tin mà cơ quan thuế cung cấp cho NNT để họ có thể hoàn thành nghĩa vụ thuế.

1.2.5. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả quản lý thuế TNDN

a. Số thu thuế và thực hiện dự toán thuế TNDN

Các cơ quan thuế đều thực hiện công tác thu thuế hiệu quả, đảm bảo số thu theo dự toán, tránh thất thu ngân sách. Dự toán là con số cụ thể, có căn cứ nên các cơ quan thuế luôn phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu, cao hơn nữa là vượt dự toán giao cho đơn vị mình. Tất cả các nguồn thu trong đó có thuế TNDN cũng được dự toán cụ thể. Đây là chỉ tiêu quan trọng để xem xét hoàn thành nhiệm vụ, hiệu quả công tác quản lý thuế.

b. Vi phạm đăng ký và kê khai thuế TNDN

Các DN nộp tờ khai đúng quy định, vi phạm về chậm đăng ký và kê khai thuế TNDN ngày càng giảm thiểu thể hiện công tác quản lý ngày càng tốt vì có quản lý tốt số DN hoạt động đăng ký, kê

khai thuế TNDN thì các công việc tiếp theo để triển khai công tác thu thuế mới tiến hành được tốt.

c. Số thuế tăng thêm qua thanh tra, kiểm tra thuế

Số thuế nộp vào NSNN rất dễ bị thất thu, chủ yếu từ ý thức của NNT. Cơ quan thuế tập trung đây nhanh, mạnh việc thực hiện thanh, kiểm tra hằng năm, đặc biệt là kiểm tra tại DN. Số thuế TNDN tăng thêm qua thanh, kiểm tra là rất lớn, cho thấy chất lượng các cuộc thanh, kiểm tra càng được nâng cao, đã phát hiện những sai phạm tiến hành truy thu và phạt, và số thuế tăng thêm được thu về làm giảm thất thu NSNN.

d. Nợ thuế TNDN

Nợ thuế TNDN hiện rất cao, cần phải hạ thấp. Cụ thể hơn, có thể sử dụng tỷ lệ nợ thuế TNDN trên tổng thu thuế TNDN cũng phải hạ thấp để góp phần vào việc thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ nợ thuế nói chung.

e. Chất lượng dịch vụ cung cấp cho NNT

Một số tiêu chí để đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp cho NNT: Cơ sở vật chất; tính tiện lợi của việc thực hiện khai thuế qua mạng internet; chất lượng đường truyền khi thực hiện khai thuế qua mạng internet; tinh thần, thái độ, tác phong, trang phục ... của cán bộ; tính kịp thời, bổ ích, thiết thực của các nội dung thông tin đăng tải trên website Cục thuế, Chi cục thuế...., cơ quan thuế tiến hành thăm dò sự thoả mãn của NNT, tổng hợp phiếu thăm dò của NNT hằng năm. Tỷ lệ NNT hài lòng với dịch vụ mà cơ quan Thuế cung cấp trong đó có thuế TNDN càng cao, chứng tỏ cơ quan thuế đã quản lý tốt, tạo mức độ thuận lợi càng cao cho NNT.

1.2.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế TNDN

a. Các nhân tố bên trong

b. Các nhân tố bên ngoài

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP
DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN LIÊN CHIỂU,
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. TỔNG QUAN VỀ CHI CỤC THUẾ QUẬN LIÊN CHIỂU,
TP. ĐÀ NẴNG

2.2.1. Quá trình hình thành và phát triển Chi cục thuế

2.2.2. Mô hình bộ máy tổ chức tại Chi cục thuế

2.2.3. Tình hình hoạt động của Chi cục thuế

Chi cục luôn hoàn thành vượt nhiệm vụ thu NSNN và tốc độ thu năm sau luôn cao hơn so với năm trước.

Bảng 2.1: Kết quả thu thuế trong giai đoạn 2009– 2013

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tổng thu	93,009	143,024	175,541	184,071	209,684
Môn bài	1,707	2,031	2,382	2,935	3,300
GTGT	37,810	71,126	96,539	109,266	130,824
TNDN	4,862	14,206	9,447	11,508	17,568
TNCN	7,541	17,264	19,973	11,171	12,539
TTĐB	0,166	0,554	0,742	0,858	0,891
LP trước bạ	16,533	23,230	26,964	21,995	24,217
Khác	24,390	14,613	19,494	26,338	20,291

Nguồn: Chi cục thuế quận Liên Chiểu

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ TNDN TẠI
CHI CỤC THUẾ QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.2.4. Công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế quận
Liên Chiểu

a. Lập và thực hiện dự toán thu thuế TNDN

- Quy trình:
- Nhận xét:

Chi cục đã triển khai việc quản lý thu thuế theo mô hình chức năng.

Chi cục giao nhiệm vụ, chỉ tiêu cho từng đội, cán bộ, sát sao các khoản thu thuế TNDN theo từng quý, từng năm, từng ngành nghề. Công tác tham mưu, đề xuất các giải pháp thiết thực, đề chi đạo thu thuế kịp thời, hiệu quả trong đó có thuế TNDN.

b. Công tác quản lý đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế

- Về quản lý đăng ký thuế:

- Quy trình đăng ký thuế cho DN trên địa bàn
- Nhận xét:

+ Ưu điểm: Chi cục thực hiện theo quy trình bảo đảm tiếp nhận và cấp MST, giấy chứng nhận đăng ký thuế kịp thời, nhanh chóng cho NNT.

Bảng 2.4: Tình hình cấp mã số thuế tại Chi cục thuế quận Liên Chiểu

Chi tiêu	Tổng số NNT đã cấp MST	Tổng số NNT đang hoạt động	Tổng số NNT tạm nghỉ kinh doanh	Tổng số NNT ngừng hoạt động
2009	1.033	719	47	267
2010	1.249	825	70	354
2011	1.484	996	70	418
2012	1.812	1.078	107	627
2013	2.046	1.226	90	730

Nguồn: Chi cục thuế quận Liên Chiểu

Chi cục kiểm kê và rà soát MST thường xuyên, đồng thời cập nhật việc thay đổi thông tin, theo dõi hồ sơ để đối chiếu dữ liệu trên hệ thống quản lý thuế. Chi cục đã tiếp nhận và xử lý hàng trăm lượt hiệu chỉnh thông tin từ NNT hằng năm.

Bảng 2.5: Tình hình hiệu chỉnh thông tin cho NNT tại Chi cục thuế

ĐVT: Lượt

Chi tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
Đã nhận	894	876	911	705	723
Đã hiệu chỉnh	875	856	894	680	702
Chưa hiệu chỉnh	0	0	0	0	0
Nhờ TCT hiệu chỉnh	19	20	17	25	21

Nguồn: Chi cục thuế quận Liên Chiểu

+ Nhược điểm: Việc kết nối liên thông giữa Chi cục thuế- Sở Kế hoạch đầu tư mới dừng lại ở cơ chế giải quyết, chưa có sự tích hợp, trao đổi thông tin, số liệu vẫn phải nhập nhiều lần, hồ sơ vẫn luân chuyển thủ công. Mặt khác, dữ liệu thông tin đăng ký thuế chưa được sử dụng nhiều để liên kết với thông tin quản lý thuế khác.

- Về quản lý kê khai, ấn định thuế

- Quy trình quản lý kê khai, xử lý tờ khai, ấn định thuế
- Nhận xét:

+ Ưu điểm: Với công tác này, đội Kê khai- Kế toán thuế và Tin học của Chi cục đã có riêng một bộ phận kê khai thuế, áp dụng công nghệ mã vạch 2 chiều hỗ trợ xử lý thông tin kê khai như vậy làm cho tính chính xác được cao hơn.

Với việc theo dõi tình hình nộp hồ sơ khai thuế trên chương trình ứng dụng quản lý kê khai thuế do vậy giảm thiểu được số lượng NNT kê khai chậm.

+ Nhược điểm: Số lượng tờ khai, công việc rất nhiều nhưng bộ phận quét mã vạch chỉ có 2 người, phần mềm mã vạch hay bị lỗi, có khi quét vào một loạt nhưng mở máy lại không có tờ khai. Hết năm 2013, vẫn chưa triển khai kê khai thuế qua mạng.

c. Công tác hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, gia hạn thuế TNDN

- Quy trình:
- Nhận xét:

Những DN nào nộp thừa thuế TNDN thì sẽ làm thủ tục xin hoàn lại, hoặc được chuyển số dư sang năm tiếp theo. Tuy nhiên, số lượng DN nộp thừa thuế TNDN là rất ít hàng năm chỉ có khoảng 1-4 DN với số tiền cũng tương đối nhỏ.

Bảng 2.6: Tình hình hoàn, miễn, giảm, gia hạn thuế TNDN tại Chi cục thuế

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
1, Hoàn thuế TNDN					
Số đơn vị	3	3	4	1	1
Số tiền được hoàn	105,45	147,25	133,95	22,8	14,25
2, Miễn thuế TNDN					
Số đơn vị	15	4	0	0	0
Số tiền được miễn	2.012,1	2.686,6	0	0	0
3, Giảm thuế TNDN					
Số đơn vị	10	7	4	316	0
Số tiền được giảm	1.624,5	478,8	1.575,1	4.000,45	0
4, Gia hạn thuế TNDN					
Số đơn vị	0	0	0	0	611
Số tiền được gia hạn	0	0	0	0	1.772,7

Nguồn: Chi cục thuế quận Liên Chiểu

Chi cục đã tiếp nhận và từng bước thực hiện chủ trương, chính sách gia hạn, miễn thuế TNDN cho DN. Tuy nhiên vẫn có nhiều nguyên nhân làm cho chính sách miễn, giảm thuế nhằm hỗ trợ DN khắc phục khó khăn kém hiệu quả.

d. Quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế

- *Quản lý nợ thuế:*

- Quy trình:
- Nhận xét:

Nhiệm vụ đôn đốc thu nợ của bộ phận Quản lý nợ và thực hiện dự toán của bộ phận Kiểm tra không có ranh giới rõ ràng, nên đưa ra chỉ tiêu giảm nợ cho bộ phận Quản lý nợ chỉ là tương đối từ đó chất lượng công tác quản lý nợ thuế chưa cao.

Mặc dù, công tác quản lý nợ nói chung và nợ thuế TNDN nói riêng đã được quan tâm nhưng nó chỉ mới dừng lại ở mức độ tập hợp số liệu nợ của các DN mà Chi cục trực tiếp quản lý, nợ thuế vẫn tiếp tục tăng.

Với tình hình nợ thuế cao như hiện nay thì Chi cục cũng đã tiến hành rất nhiều biện pháp đôn đốc thiết thực. Sau khi thực hiện các biện pháp đôn đốc thu thuế, sẽ tiến hành các biện pháp cưỡng chế theo quy định. Chi cục đã tiến hành thông báo cũng như phạt các hình thức vi phạm với số lượng thông báo và số tiền phạt ngày càng tăng lên. Tuy nhiên, số tiền thu được lại rất thấp so với số tiền phạt mà NNT phải nộp.

Bảng 2.7: Tổng hợp các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế nợ thuế

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	Thông báo 07/QLN			Thông báo 09/CCNT		Quyết định cưỡng chế			Lệnh thu	Giấy mời và biên bản làm việc	Thông tin đại chúng	Công văn gia hạn	Thông tin tài khoản	Số tiền thu được từ lệnh thu
	Số lượng TB	Số tiền	Phạt chậm	Đã ban hành		Đã ban hành								
				Số TB	Số tiền	Số QĐ	Số tiền	Thu được						
2009	1.256	125,45	2,07	-	-	125	32,58	3,42	22	216	15		201	1,26
2010	1.589	141,84	2,58	-	-	146	36,76	3,25	19	295	15		245	1,57
2011	5.884	304,41	5,45	-	-	414	87,32	4,13	27	318	39	-	105	1,99
2012	6.065	432,26	4,63	2.698	307,23	1.279	243,32	5,07	31	309	16	-	126	1,50
2013	9.686	757,75	8,82	5,33	559,06	3.140	403,99	14,15	47	309	35	-	583	6,11
Tổng cộng	24.480	1.761,81	23,55	8.023	866,29	5.104	803,97	30,02	146	1.447	120	-	1.260	12,43

Nguồn: Chi cục thuế quận Liên Chiểu

e. Công tác kiểm tra thuế

- Công tác kiểm tra nội bộ

Việc thực hiện kiểm tra nội bộ không thường xuyên, chỉ mang tính bề ngoài.

- Công tác kiểm tra NNT

- Quy trình:
- Nhận xét:

Công tác kiểm tra được tiến hành khi có nghi vấn về đối tượng hoặc mang tính đột xuất. Mỗi lần kiểm tra phải có ít nhất 3 cán bộ thuế, việc cử cán bộ thuế đến kiểm tra DN được chỉ định theo nguyên tắc tùy tính chất từng vụ việc, phù hợp với trình độ và kinh nghiệm của từng cán bộ, không cử cán bộ cố định kiểm tra thường xuyên một DN, điều này tạo sự khách quan và làm tăng hiệu quả kiểm tra hiện nay.

Việc kiểm tra dựa trên cơ sở phân tích báo cáo tài chính và tờ khai thuế của các DN sẽ giúp cán bộ phát hiện kịp thời các sai phạm và nếu nghi ngờ về các sai phạm nghiêm trọng sẽ tiến hành kiểm tra tại cơ sở các DN.

Tuy nhiên, công tác được kiểm tra nhưng vẫn tồn tại một số nhược điểm: chưa khai thác hết thông tin trên tờ khai, báo cáo tài chính của DN có tại Chi cục để phục vụ công tác đánh giá, phân tích, phát hiện sai phạm; hệ thống cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, chưa xây dựng hệ thống chỉ tiêu cho việc phân tích hồ sơ khai thuế để lựa chọn đơn vị có rủi ro cao; việc kiểm tra chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và khả năng của cán bộ...

f. Công tác tuyên truyền-hỗ trợ người nộp thuế

- *Công tác tuyên truyền:* Chi cục rất chú trọng công tác này, thực hiện nhiều biện pháp để tuyên truyền đến NNT trên địa bàn quận.

- *Công tác hỗ trợ NNT:* Chi cục đã tiếp nhận và giải đáp, hướng dẫn kịp thời các vướng mắc cho các tổ chức, cá nhân nộp thuế.

Bảng 2.8: Tình hình hỗ trợ NNT qua các năm tại Chi cục thuế

Các hình thức hỗ trợ NNT	Trả lời qua điện thoại	Hướng dẫn tại Chi cục	Trả lời bằng văn bản	Các hình thức hỗ trợ khác
2009	158	990	4	500
2010	342	487	3	459
2011	880	665	5	100
2012	1.020	1.800	10	90
2013	1.280	1.956	14	95

Nguồn: Chi cục thuế Quận Liên Chiểu

Việc hỗ trợ cho NNT đang dần có hiệu quả. Tuy nhiên, công tác này cũng mới chỉ dừng lại ở một bộ phận DN nộp thuế và chỉ mang tính chất tuyên truyền, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc, chưa thể thực sự thâm nhập vào ý thức của NNT.

2.2.5. Kết quả công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế Quận Liên Chiểu

a. Số thu thuế TNDN và thực hiện dự toán

Bảng 2.9: Dự toán và kết quả thu thuế TNDN của các DN NQD qua các năm

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Kế hoạch			Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)		
	Pháp lệnh	Phần đầu Quận	Phần đầu Cục		Pháp lệnh	Phần đầu Quận	Phần đầu Cục
2009	4.000,00	4.200,00	4.300,00	4.861,96	121,55	115,76	113,07
2010	8.500,00	8.500,00	9.000,00	14.206,37	167,13	167,13	157,85
2011	9.000,00	9.200,00	9.400,00	9.447,30	104,97	102,69	100,50
2012	10.530,00	10.730,00	11.000,00	11.507,75	109,29	107,25	104,62
2013	11.550,00	11.550,00	11.550,00	17.568,23	152,11	152,11	152,11

Nguồn: Chi cục Thuế quận Liên Chiểu

Thời gian qua, số thu thuế TNDN hằng năm đều hoàn thành và vượt dự toán, năm 2013, Chi cục có số thu cao nhất 17.568,23 triệu đồng và tỷ lệ hoàn thành cao nhất 152,11% so với kế hoạch đề ra. Đây là một trong những chỉ tiêu đánh giá công tác quản lý thuế TNDN của Chi cục, luôn vượt chỉ tiêu mà dự toán giao cho.

b. Vi phạm về đăng ký MST, kê khai thuế TNDN

Việc đăng ký chậm này đang có xu hướng giảm dần nhờ sự theo dõi và rà soát ngày một chặt chẽ hơn thể hiện thông qua số trường hợp vi phạm cũng như số tiền phạt có biểu hiện giảm dần từ năm 2011 đến 2013.

Bảng 2.10: Vi phạm chậm đăng ký MST tại Chi cục thuế

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
Số TH vi phạm	17	8	10	9	6
Số tiền phạt	10,12	6,87	9,08	8,91	5,11
Số tiền đơn đốc đã nộp vào NSNN	4,18	3,42	4,97	5,23	3,72

Nguồn: Chi cục thuế quận Liên Chiểu

Tỷ lệ nộp tờ khai thuế TNDN đúng hạn tại Chi cục hằng năm đều đạt 95%, đây là con số chỉ tiêu mà Tổng Cục thuế giao, theo đó

tình hình vi phạm kê khai thuế TNDN chậm mang một dấu hiệu giảm dần kể cả số trường hợp vi phạm, số tiền phạt.

Bảng 2.11: Vi phạm chậm kê khai thuế TNDN tại Chi cục thuế

Chi tiêu	Nộp chậm hồ sơ khai thuế TNDN		Nộp chậm BC quyết toán thuế TNDN	
	Số trường hợp	Số tiền (triệu đồng)	Số trường hợp	Số tiền (triệu đồng)
2009	128	101,86	3	8,8
2010	47	50,2	16	30,9
2011	119	158,18	5	10,76
2012	97	95,12	4	9,3
2013	74	79,53	3	8,8

Nguồn: Chi cục thuế quận Liên Chiểu

c. Số thuế tăng thêm qua kiểm tra

Tổng số thuế tăng thêm hằng năm qua kiểm tra là rất lớn, năm 2012 con số này vượt trội lên đến hơn 27 tỷ đồng, năm 2013 là hơn 5 tỷ đồng, riêng thuế TNDN chiếm gần 50% tổng số thuế tăng thêm qua kiểm tra.

Bảng 2.12: Kết quả công tác kiểm tra DN từ 2009 – 2013

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm				
	2009	2010	2011	2012	2013
Số đơn vị kiểm tra theo kế hoạch	101	112	169	172	165
Số đơn vị kiểm tra thực tế	101	112	166	172	175
Số thuế tăng thêm do kiểm tra	2.761,37	1.566,83	14.429,31	27.394,46	5.443,39
Truy thu	1.972,15	1.184,62	2.761,95	2.481,14	1.324,22
Phạt	789,22	382,21	1.071,39	1.083,30	498,97
Giảm	0	0	10.457,00	23.622,00	3.444,00
Truy hoàn	0	0	46,17	17,74	3,65
Giảm khấu trừ	0	0	92,80	190,28	172,55
Trong đó tổng thuế TNDN	1.665,42	1.012,15	7.478,69	13.924,08	2.590,47

Nguồn: Chi cục thuế Quận Liên Chiểu

d. Nợ thuế TNDN

Bảng 2.13: Nợ thuế TNDN tại Chi cục thuế từ năm 2009 – 2013

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Tổng tiền thuế nợ trên sổ theo dõi nợ thuế	PHÂN LOẠI NỢ											
		Nợ khó thu							Nợ có khả năng thu (Tiền thuế NNT chậm nộp)				Nợ chờ xử lý
		Tổng số	Tiền thuế NNT đã chết, mất tích, mất hành vi dân sự	Tiền thuế NNT có liên quan đến trách nhiệm hình sự	Tiền thuế NNT đã chấm dứt hoạt động kinh doanh	Nợ của NNT lâm vào giải thể, phá sản	Nợ của NNT chờ giải quyết theo luật phá sản	Nợ khó thu khác	Tổng số	Từ 01 đến 30 ngày	Từ 31 đến 90 ngày	Quá 90 ngày	Tổng số
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh													
2009	528,30	23,63	3,81	-	3,80	16,02	-	-	504,67	60,82	34,52	409,33	-
2010	2.004,30	413,40	5,60	-	-	407,80	-	-	1.590,90	21,10	46,40	1.523,40	-
2011	1.141,80	46,10	39,10	-	-	5,90	1,10	-	1.095,70	49,90	137,30	908,50	-
2012	9.356,30	229,10	41,00	-	-	77,50	-	110,60	9.127,20	167,30	1.251,50	7.708,40	-
2013	7.814,45	5.590,82	77,81	-	3,60	76,71	-	5.432,70	2.223,63	47,63	460,11	1.715,89	-
Hộ kinh doanh													
2009	44,13	44,13	-	-	44,13	-	-	-	-	-	-	-	-
2010	44,13	44,13	-	-	44,13	-	-	-	-	-	-	-	-
2011	44,13	44,13	-	-	44,13	-	-	-	-	-	-	-	-
2012	44,13	44,13	-	-	44,13	-	-	-	-	-	-	-	-
2013	44,13	44,13	-	-	44,13	-	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Chi cục Thuế quận Liên Chiểu

*Bảng 2.14: Tỷ lệ nợ thuế qua các năm tại Chi cục thuế
ĐVT: Triệu đồng*

Chi tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
Nợ thuế TNDN	72,43	2.048,43	1.185,93	9.400,43	7.858,58
Tỷ lệ %	3,32%	7,38%	3,50%	14,03%	11,72%
Nợ các loại thuế khác	16.645,70	25.702,91	32.700,20	57.623,32	59.182,90
Tỷ lệ %	96,68%	92,62%	96,50%	85,97%	88,28%
Tổng nợ thuế	17.218,13	27.751,34	33.886,13	67.023,75	67.041,48

Nguồn: Chi cục thuế quận Liên Chiểu

Tổng nợ thuế TNDN qua các năm có sự biến động rất lớn, nợ thuế TNDN năm 2009 mới chỉ gần 0,6 tỷ, qua 2010 lên hơn 2 tỷ tăng hơn 3 lần. Đặc biệt năm 2011 là 1,185 tỷ đồng nhưng đến 2012 lại tăng vọt lên cao nhất hơn 9,4 tỷ chiếm hơn 14% tổng số thuế nợ thuế. Năm 2013 là xấp xỉ 8 tỷ đồng chiếm gần 12% tổng số nợ thuế.

Theo lộ trình chung, tỷ lệ nợ thuế TNDN trên tổng thu thuế TNDN không vượt quá 5%. Như vậy, với chỉ tiêu này, tỷ lệ nợ thuế TNDN của Chi cục quá cao, cao hơn rất nhiều so với con số 5% tiêu chuẩn mà Tổng cục thuế giao cho.

Bảng 2.15: Tỷ lệ nợ thuế TNDN trên tổng thu thuế TNDN

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
Nợ thuế TNDN	572,43	2.048,43	1.185,93	9.400,43	7.858,58
Tổng thu thuế TNDN	4.861,96	14.206,37	9.447,30	11.507,75	17.568,23
Tỷ lệ nợ thuế TNDN/Tổng thu thuế TNDN (%)	11,77%	14,42%	12,55%	81,69%	44,73%

Nguồn: Chi cục Thuế Quận Liên Chiểu

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ TNDN TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.3.1. Kết quả đạt được

- *Thứ nhất*, Chi cục đã quản lý thuế TNDN theo mô hình chức năng, có sự phân công các phòng ban thực hiện những nhiệm

vụ quản lý khác nhau và hỗ trợ cho nhau.

- *Thứ hai*, đã triển khai nghiêm túc, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN và các chính sách thu thuế TNDN tại địa phương.

- *Thứ ba*, xây dựng và tổ chức thực hiện dự toán thu thuế TNDN kịp thời, luôn hoàn thành vượt chỉ tiêu pháp định, chỉ tiêu của Cục thuế tp ĐN, UBND q.Liên Chiểu.

- *Thứ tư*, về công tác quản lý đăng kí, kê khai nộp thuế: liên tục kiểm kê, rà soát MST, quản lý việc thay đổi tình trạng hoạt động của NNT thường xuyên; tỷ lệ nộp hồ sơ khai thuế đúng hạn chiếm 95%, là một kết quả khá quan.

- *Thứ năm*, về công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế: hàng tháng, quý, tiến hành rà soát, đối chiếu xác định số nợ đọng kịp thời, chính xác làm cơ sở phân loại nợ và tăng cường công tác đôn đốc thu nộp; phối hợp với cơ quan chức năng thành lập những đoàn công tác đến đơn vị có số nợ đọng thuế TNDN lớn.

- *Thứ sáu*, về công tác kiểm tra thuế: kiểm tra 100% hồ sơ thuế tại Chi cục và trực tiếp tại các DN trên địa bàn, qua các năm Đội luôn thực hiện việc kiểm tra tại DN đạt 100% so với kế hoạch, một số năm còn vượt kế hoạch kiểm tra; ngoài việc tăng thu vào NSNN khoản tiền thuế khai thiếu; kiểm tra tại cơ sở NNT đạt hiệu quả khá cao.

- *Thứ bảy*, về công tác tuyên truyền và hỗ trợ NNT: các hình thức tuyên truyền và hỗ trợ NNT đang dần đa dạng hóa; luôn có cán bộ trực để giải đáp những vướng mắc của NNT bằng nhiều hình thức khác nhau, giúp cho NNT được hỗ trợ tốt nhất.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

a. Những hạn chế

- *Thứ nhất*, việc tập hợp đầy đủ thông tin về NNT gặp khó khăn do mỗi phòng ban chỉ quản lý một khía cạnh hạn hẹp của NNT.

- *Thứ hai*, chưa phân nhóm đối tượng NNT để quản lý: tất cả các đối tượng nộp thuế phải thực hiện các quy trình quản lý giống nhau.

- *Thứ ba*, ứng dụng CNTT trong quản lý còn ở mức thấp mới chỉ tập trung vào việc đăng kí, cấp MST, xử lí tờ khai, quản lý nợ nhưng các phần mềm hay bị lỗi.

- *Thứ tư*, hệ thống thông tin về NNT phân tán, rời rạc, tính tự

động hóa chưa cao; việc khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu còn hạn chế.

- *Thứ năm, về công tác quản lý đăng ký, kê khai:* số tiền thu nộp vào NSNN chỉ bằng 50% số tiền phạt; hết năm 2013, Chi cục vẫn chưa tiến hành kê khai thuế qua mạng, đây là một bất lợi cho NNT.

- *Thứ sáu, về công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế:* số thuế nợ vẫn cao, tỷ lệ nợ thuế TNDN có xu hướng tăng; nợ thuế TNDN khó thu, nợ dầy dụa kéo dài đang dần có biểu hiện tăng, nợ thuế TNDN của các hộ kinh doanh không thể thu; áp dụng phân loại nợ thuế theo khả năng thu với 3 nhóm, vẫn chưa linh hoạt sử dụng thêm những cách phân loại nợ khác; số tiền thu được còn rất thấp so với số tiền phải thu.

- *Thứ bảy, về công tác kiểm tra thuế:* việc kiểm tra quyết toán, kê khai nộp thuế tại trụ sở NNT chưa chỉ ra các sai sót cơ bản trong hạch toán kế toán, chưa gắn kiểm tra với hướng dẫn NNT khắc phục các tồn tại, sai phạm của DN; thực hiện kiểm tra nội bộ không thường xuyên, nội dung kiểm tra cũng không thực sự hiệu quả.

- *Thứ tám, về công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT:* các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ tuy đã dần được đa dạng hóa tuy nhiên chất lượng cũng như hiệu quả mang lại cho NNT còn hạn chế: tuyên truyền qua tờ rơi, thông báo niêm yết, nội dung thể hiện nhiều thông tin nhưng hình thức trình bày lại không sinh động, ấn tượng; các buổi đối thoại theo chuyên đề còn quá ít; chưa có trang tin điện tử riêng; kiosk điện tử ít được sử dụng...; bố trí 2 cán bộ hỗ trợ với máy vi tính, máy điện thoại phục vụ một lượng lớn NNT nhất là vào những ngày cao điểm nhận hồ sơ khai thuế chưa hiệu quả.

- *Thứ chín, về cán bộ quản lý thuế:* đội ngũ cán bộ vừa thiếu vừa yếu, cơ cấu nhân sự một số bộ phận chưa được hợp lý; bộ phận hỗ trợ NNT, kê khai...

b. Nguyên nhân

- *Chi cục thuế*
- *Người nộp thuế*
- *Cơ chế chính sách*
- *Các cơ quan và tổ chức có liên quan*

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Mục tiêu chung

Tăng thu NSNN, phần đầu vượt 10% so với dự toán của cấp trên giao; chỉ tiêu thu năm 2014 tối thiểu được 229 tỷ đồng tăng 9,06% so với thực hiện năm 2013 trong đó thuế TNDN tăng trưởng bình quân hàng năm khoảng 10,78%; giảm tỷ lệ nợ thuế TNDN thấp dưới 5%; kiểm tra đạt tối thiểu 13% trên tổng số DN hoạt động; thực hiện đơn đốc số thu nộp vào NSNN đạt 75-80% tổng số thuế truy thu và phạt qua thanh, kiểm tra; phần đầu, cuối năm 2014, có 90% số DN kê khai thuế qua mạng.

3.1.2. Mục tiêu hoàn thiện công tác quản lý thuế

- Thủ tục hành chính thuế được đơn giản hóa tạo thuận lợi cho NNT, rút ngắn thời gian kê khai, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế của cơ quan Thuế được công khai.

- Hoạt động kiểm tra, giám sát sự tuân thủ của NNT được tăng cường trên cơ sở đánh giá rủi ro, phân loại NNT và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật thuế.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thuế được nâng cao về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức.

- Cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại phục vụ tốt cho công tác quản lý thuế.

3.1.3. Phương hướng hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN

- Về công tác quản lý đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế: thủ tục đơn giản, dễ thực hiện, giảm tần suất kê khai, nộp thuế; đẩy mạnh kê khai thuế qua mạng.

- Về công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế: thể chế và các quy trình được hoàn thiện; các hình thức thu nợ và cưỡng chế nợ thuế phải thích hợp, kịp thời, mang tính răn đe, việc thu hồi nợ đọng phải tập trung.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra: phải đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu, hiệu quả; triển khai thanh tra, kiểm tra một số chuyên đề; tăng cường ứng dụng CNTT; thúc đẩy việc xây dựng và

sử dụng cơ sở dữ liệu NNT một cách hiệu quả.

- Về công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT: phải đa dạng về hình thức, phong phú, vừa tuyên truyền vừa cảnh cáo những vi phạm, đẩy mạnh hỗ trợ, đối thoại DN.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu NNT: đầy đủ, chính xác, tập trung thống nhất.

- Xây dựng bộ máy quản lý thuế: chuyên nghiệp, chuyên sâu, liêm chính.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ TNDN TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.2.1. Triển khai thủ tục hành chính thuận tiện cho NNT

- Chi cục trình lên Cục thuế đề nghị hỗ trợ triển khai việc khai thuế điện tử để hỗ trợ cho NNT trên địa bàn quận Liên Chiểu.

- Đẩy mạnh công tác thu thuế qua ngân hàng: thủ tục này có thể mang lại sự thuận tiện rất nhiều cho NNT.

3.2.2. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý thuế

- Xây dựng hệ thống thông tin về NNT đầy đủ và đáng tin cậy.

- Tiếp tục hoàn thiện và tổ chức thực hiện quy chế yêu cầu cung cấp thông tin và cơ chế trao đổi thông tin với các cơ quan liên kết qua mạng máy tính.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế

3.2.3. Tăng cường quản lý đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế của NNT

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình nộp ngân sách như thế nào, xác định cụ thể nguồn thu có tiềm năng, nguồn thu không tiềm năng.

- Tổ chức kiểm tra 100% hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế.

- Để quản lý NNT nộp thuế: phân giao chỉ tiêu cho các Đội thuế, phát động phong trào thi đua thu ngân sách nói chung và thu thuế TNDN nói riêng.

3.2.4. Tăng cường kiểm tra NNT và nội bộ đồng thời nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra

- Chi cục cần có sự phân công bố trí sắp xếp cán bộ theo hướng tăng số lượng đội ngũ cán bộ thuế làm công tác kiểm tra thuế

và nâng cao chất lượng cán bộ

- Cần có sự phối hợp với các cơ quan khác như kiểm toán, thanh tra tài chính, thanh tra Cục thuế, phải phân định rõ chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan

- Gần kiểm tra với việc đi sâu chấn chỉnh ý thức chấp hành pháp luật về thuế TNDN, chấn chỉnh công tác kế toán, hạch toán doanh thu, chi phí... của các DN.

- Nên động viên và biết dựa vào người dân đáng tin cậy, có hiểu biết sự việc để thu thập các thông tin cần thiết về đối tượng đang kiểm tra.

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ và cần phải có một lực lượng chuyên làm công tác kiểm tra nội bộ hay lãnh đạo Chi cục có thể tham gia vào công tác này.

3.2.5. Dự đoán khả năng thanh toán nợ để lập kế hoạch quản lý và áp dụng biện pháp thu nợ, cưỡng chế nợ thuế kịp thời, phù hợp với thực tế

- Nắm rõ nguyên nhân, kèm theo phân loại theo các tiêu chí cần thiết khác ngoài quy định phân loại 3 nhóm nợ.

- Có thể áp dụng phân tích nợ theo tuổi nợ để áp dụng các biện pháp thu nợ đối với các DN có số thuế nợ lớn và có khả năng thu.

- Đẩy mạnh công tác xử lý nợ đọng thuế, nhất là biện pháp cưỡng chế nợ

- Phân giao chỉ tiêu thu nợ cho từng cán bộ và gắn với việc bình xét danh hiệu thi đua hàng tháng, hàng quý, hàng năm

- Có chính sách khen thưởng, biểu dương kịp thời đối với những tập thể, cá nhân xuất sắc, những gương điển hình về quản lý, thu nợ thuế.

- Chi cục làm đơn xin ý kiến chỉ đạo Cục thuế thành phố Đà Nẵng gửi Tổng cục thuế xem xét xử lý xóa nợ đối với những khoản nợ không thể thu hồi được

3.2.6. Tăng cường và đổi mới các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ NNT

- Việc phối hợp với cơ quan thông để tuyên truyền thì kết hợp biểu dương những đơn vị có thành tích trong thực hiện nghĩa vụ thuế, lên án những hành vi vi phạm.

- Chi cục nên tăng thêm 5-6 buổi đối thoại trực tiếp.

- Thiết kế một trang web riêng hay có thể kết hợp với trang web của UBND quận Liên Chiểu công khai thủ tục hành chính, những chính sách thuế, đưa bản tin.

- Nội dung trên kiosk điện tử nên cập nhật thường xuyên

- Linh hoạt bố trí thêm những cán bộ khác trong đội vào những ngày cao điểm vào cuối tháng, cuối quý để có thể phục vụ một lượng lớn NNT vào những ngày này.

3.2.7. Tổ chức bộ máy quản lý thuế theo mô hình chức năng kết hợp với quản lý thuế theo đối tượng và nâng cao chất lượng cán bộ thuế của Chi cục

- Thực hiện quản lý thuế theo nhóm đối tượng nộp thuế

- Xác định ranh giới trách nhiệm và tăng cường phối hợp giữa các bộ phận chức năng tại Chi cục; nâng cao chất lượng cán bộ thường xuyên

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị đối với Bộ Tài chính

3.3.2. Kiến nghị đối với Tổng cục Thuế

3.3.3. Kiến nghị đối với các cơ quan chức năng đóng trên địa bàn

KẾT LUẬN

Theo tinh thần chỉ đạo chung của Đảng và Nhà nước và thực hiện chiến lược cải cách hệ thống thuế của Tổng cục thuế, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế với mục tiêu chung: hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý thuế cả về phương pháp quản lý, thủ tục hành chính, bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ, áp dụng rộng rãi công nghệ thông tin để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát cho được tất cả các đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, hạn chế thất thu thuế ở mức thấp nhất, bảo đảm thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu vào NSNN.

Để đạt được mục tiêu trên, Ngành thuế Việt Nam nói chung và Cục thuế thành phố Đà Nẵng cũng như Chi cục thuế quận Liên Chiểu nói riêng phải đứng trước thách thức rất to lớn đó là yêu cầu thực hiện quản lý thuế hiệu lực, hiệu quả và nâng cao chất lượng phục vụ các nhu cầu của NNT. Trong khi đó, mô hình quản lý thuế, tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất, các ứng dụng CNTT cho dịch vụ tài chính công điện tử và đội ngũ cán bộ công chức thuế còn yếu kém về trình độ, năng lực chưa đáp ứng được yêu cầu của quản lý thuế hiện đại.